

Số: 57 /2025/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định nội dung chi, mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Điện Biên

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“ Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm báo cáo thiệt hại (chịu trách nhiệm về tính chính xác của mức độ thiệt hại) và đề xuất nhu cầu hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai về Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh.

2. Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ nguồn quỹ phòng, chống thiên tai do Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức đề nghị; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung, mức chi tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND như sau:

“ a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, điểm 4.1, điểm 4.2 khoản 4, khoản 5, khoản 6 Mục II; điểm 2.3 khoản 2, điểm 4.1, điểm 4.3 khoản 4, khoản 9 Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND: chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Bãi bỏ điểm 2.2 khoản 2; điểm 4.2 khoản 4 Mục III tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND. ”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 10 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ pháp chế);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin-Hội nghị-Nhà khách tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, BTCD(TVH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô



PHỤ LỤC: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CHI, MỨC CHI QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số **57**/2025/QĐ-UBND)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
“II	Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai			
1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai gây thiếu đói	Người/tháng	15kg gạo	Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội: “Hỗ trợ không quá 3 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng thiếu đói do thiên tai”.
3	Hỗ trợ về Người			
3.1	Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai	Người	25.000.000 đồng	Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.
3.2	Hộ gia đình có người bị thương nặng do thiên tai	Người	5.000.000 đồng	Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 13 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP.
3.3	Cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng ra mai táng cho người chết do thiên tai khi không có người nhận trách nhiệm mai táng	Người	25.000.000 đồng	Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 14 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP.
4	Hỗ trợ tu sửa nhà ở (chỉ tính nhà ở chính)			
4.1	Hỗ trợ Nhà ở bị đổ, sập, trôi, hư hỏng hoàn toàn do thiên tai (thiệt hại trên 70%)	1 nhà/hộ	50.000.000 đồng	Mức thiệt hại quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
4.2	Hỗ trợ Nhà ở bị hư hỏng do thiên tai (thiệt hại từ 50% đến 70%)	1 nhà/hộ	30.000.000 đồng	Mức thiệt hại quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT.
5	Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	đồng/xã	Tối đa không quá 30.000.000 đồng	Mức chi căn cứ theo nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương.
6	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai			Thực hiện theo Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Quy định về Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.
“III	Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai			
2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm.			
2.3	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm cấp xã	đồng/kế hoạch, phương án	5.000.000 đồng	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.
4	Diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở các cấp			
4.1	Hỗ trợ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh để diễn tập phòng, chống thiên tai ở cấp tỉnh	Đợt/năm	Tối đa không quá 100.000.000 đồng/đợt/năm	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
4.3	Hỗ trợ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã để diễn tập phòng, chống thiên tai ở cấp xã	Đợt/năm	Tối đa không quá 50.000.000 đồng/xã/đợt/năm	Nội dung chi quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.
9”	Hỗ trợ di dời nhà ở khẩn cấp (chỉ tính nhà ở chính)	1 nhà/hộ	30.000.000 đồng	Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.